

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B2** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MH04010** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Bệnh cây nông nghiệp**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160252	Đào Thị Huỳnh	Anh	07/01/2009			8.5	9.0	8.4		6.0		7.1
2	2456201160253	Võ Chí	Bình	21/12/2009			7.5	8.5	6.0		5.5		6.2
3	2456201160254	Tô Bảo	Chấn	15/10/2009			8	8.0	6.7		5.0		6.0
4	2456201160255	Huỳnh Văn Khánh	Duy	08/09/2009			9	9.0	8.3		6.0		7.1
5	2456201160256	Lê Hữu	Điền	17/12/2009			7.5	7.5	5.8		6.0		6.3
6	2456201160257	Lê Văn Tinh	Em	27/06/2009			8	9.0	6.8		7.5		7.7
7	2456201160258	La Đăng Trường	Giang	13/03/2009			7	8.5	6.6		6.0		6.6
8	2456201160259	Lâm Minh	Giang	23/02/2009			7	7.0	5.3		7.5		7.0
9	2456201160260	Dương Nguyễn Chí	Huy	05/12/2009			7.5	8.5	6.3		6.0		6.6
10	2456201160261	Trần Lê	Huy	23/11/2009			7	8.5	6.6		4.0	0.0	5.4
11	2456201160264	Trương Tấn	Khang	01/02/2009			8	8.5	6.9		6.5		7.0
12	2456201160265	Lê Văn	Kiệt	02/11/2008			8.5	8.5	5.4		5.0		5.9
13	2456201160266	Trương Bảo	Lộc	25/03/2008			8	9.0	6.6		7.0		7.3
14	2456201160267	Tổng Thị Trúc	Ly	03/12/2009			8	5.0	5.1		5.5		5.6
15	2456201160268	Trần Quang	Minh	06/11/2008			9	8.5	6.4		6.0		6.7
16	2456201160269	Lư Thị Cẩm	Nang	12/09/2009			8.5	9.0	8.6		7.0		7.7
17	2456201160270	Phan Văn	Nghị	23/08/2009			7	8.5	7.1		7.0		7.3
18	2456201160271	Lê Thành	Nghĩa	31/01/2009			8	8.5	6.7		6.5		7.0
19	2456201160272	Phạm Văn	Phát	05/05/2009			8.5	8.5	6.3		8.0		7.8
20	2456201160273	Trần Vũ	Phong	20/02/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
21	2456201160274	Nguyễn Thị Thanh	Phương	05/08/2009			9	9.0	7.8		5.5		6.7
22	2456201160275	Nguyễn Đình	Quốc	10/02/2009			7	8.5	6.4		7.5		7.4
23	2456201160276	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	31/10/2009			9	9.0	8.2		9.0		8.9
24	2456201160278	Phan Hữu	Trọng	19/12/2009			8	7.0	5.7		10.0		8.7
25	2456201160280	Huỳnh Công	Vinh	06/01/2009			8.5	9.0	7.1		10.0		9.3

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên